

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2020

V/v yêu cầu ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chấn và ông Lê Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa có: Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2020/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị S, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố KH, phường XD, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố KH, phường XD, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Trương Thị S và bị đơn là ông Nguyễn Văn D thống nhất trình bày trong Đơn trình bày về việc thuận tình ly hôn gửi cho Tòa án vào ngày 17/12/2020 được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị S và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường XD, thị xã Sông Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 23/7/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu chia một ngôi nhà nhưng hiện nay các bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong, rút yêu cầu chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay bà Trương Thị S bị tai biến nằm một chỗ, không đến Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ pháp luật; người tham gia tố tụng đã chấp hành pháp luật.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị S và ông Nguyễn Văn D; căn cứ Điều 244 của BLTTDS, đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; về chi phí định giá: Buộc bà Trương Thị S phải chi 3.600.000đ; về án phí: Buộc bà Trương Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là một ngôi nhà, Tòa án đã tiến hành định giá tài sản nhưng sau đó các bên đương sự tự thỏa thuận và rút yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 của BLTTDS đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Trương Thị S và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 23/7/2001, là hôn nhân hợp pháp.

Nay bà S và ông D thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị S và ông Nguyễn Văn D.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về chi phí định giá: Căn cứ khoản 5 Điều 165 của BLTTDS, buộc nguyên đơn Trương Thị S phải chịu chi phí định giá 3.600.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng 15.000.000đ theo Biên bản giao nhận tiền định giá tài sản ngày 12/11/2020 do Tòa án lập; Tòa án đã hoàn trả số tiền 11.400.000đ cho bà S theo Biên bản giao nhận tiền ngày 08/12/2020 là thi hành xong.

[8] Về án phí: Bà Trương Thị S phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 165; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị S và ông Nguyễn Văn D.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[3] Về chi phí định giá: Bà Trương Thị S phải chịu 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản; được trừ vào số tiền tạm ứng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo Biên bản giao nhận tiền định giá tài sản ngày 12/11/2020 do Tòa án lập; đã hoàn trả số tiền 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho bà S theo Biên bản giao nhận tiền ngày 08/12/2020 là thi hành xong.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 56.100.000đ (Năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền số 0005025 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Hoàn trả cho bà Trương Thị S số tiền 55.800.000đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tiền số 0005025 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền